



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.02928**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : DFM (DRIED FOOD MEAL)  
**Số lượng/ khối lượng** : 104 bao/ 99.520 kg  
**Ngày sản xuất** : 28-29/4/2025  
**Hãng, nước sản xuất** : Dongwoo Bio Co., Ltd (305-81-57751), Korea.  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : DFM-006 ngày 12/5/2025  
Hóa đơn số : DFM-006 ngày 12/5/2025  
Vận đơn số : HASLK01250409447  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : Số 4320/HQ-GDK-TTKN ngày 18/6/2025  
(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250036507)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG THIẾT YẾU AN THỊNH PHÁT**  
Địa chỉ: Khu 4, Ấp 8, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 01 - 190: 2020/BNNPTNT; Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT.  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 1584 /QĐ-TTKN  
Ngày 15 tháng 7 năm 2025



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Yến**





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 8273/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 23012507284  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 04/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 04/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725057/HQV2                           | Asen (As) tổng số                      | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 07/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*(Handwritten signature)*

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

**BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH**

**1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)**

| Doanh nghiệp/<br>ngày mã hoá                                       | Mã mẫu           | Quy chuẩn áp<br>dụng                                                                                                       | Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân tích |                                                                                                                        | Ghi chú                |
|--------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|                                                                    |                  |                                                                                                                            | Tên sản phẩm                     | Chỉ tiêu phân tích                                                                                                     |                        |
| Công ty TNHH<br>Dinh dưỡng Thiết<br>yếu An Thịnh Phát<br>03/7/2025 | 0725057/<br>HQV2 | Số thứ tự 3, Mục<br>IV phụ lục I<br>QCVN 01-<br>190:2019/BNNPT<br>NT Sửa đổi<br>1:2021 QCVN<br>01-<br>190:2020/BNNPT<br>NT | DFM (Dried<br>Food Meal)         | As tổng số (mg/ kg)<br>Pb (mg/ kg)<br><i>E. coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25 g)                           | BNNPTNT2<br>9250036507 |
|                                                                    | 0725058/<br>HQV2 | Mục 2.1 bảng 1<br>QCVN 02-31-<br>2:2019/BNNPTNT                                                                            | L-Met 100 (L-<br>Methionine)     | As vô cơ (mg/kg)<br>Pb (mg/kg)<br>Hg (mg/ kg)<br>Cd (mg/kg)<br><i>E. coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/ 25 g) | BNNPTNT2<br>9250036453 |
|                                                                    | 0725059/<br>HQV2 |                                                                                                                            | L-Met 100 (L-<br>Methionine)     |                                                                                                                        | BNNPTNT2<br>9250036681 |
|                                                                    | 0725060/<br>HQV2 |                                                                                                                            | L-Arginine                       |                                                                                                                        | BNNPTNT2<br>9250036233 |
|                                                                    | 0725061/<br>HQV2 |                                                                                                                            | L-Arginine                       |                                                                                                                        | BNNPTNT2<br>9250036906 |

**Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm**

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Nguyễn Thế Linh**

**2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm**

| Người thực hiện    | Đơn vị               | Thời gian ( ghi<br>rõ.... giờ,<br>ngày.../.../... | Phòng thí<br>nghiệm được<br>lựa chọn | Ghi chú |
|--------------------|----------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| Nguyễn Thế<br>Linh | Trung tâm Vùng<br>II | 17h30 ngày<br>03/7/2025                           | ASTAC                                |         |